

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2023/DS-ST

Ngày: 26-7-2023

Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Việt; Bà Phan Hoàng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2023/TLST-DS ngày 29/5/2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2023/QĐXXST-DS ngày 20/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 292/2023/QĐST – DS ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Kim N (Dì Tư), sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Số A, hẻm P, tổ B, khóm A6, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện nay: Số D, hẻm S, đường Đ, khóm A5, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp P4, xã V, huyện S, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền lập tại Văn phòng công chứng số 1 An Giang ngày 02/6/2023). Có đơn xin vắng mặt

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Mai T1, sinh năm 1972. Vắng mặt

Nơi cư trú: Số B, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện nay: Số C, đường H, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2023 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Kim N trình bày:

Bà Trần Kim N tên thường gọi hàng ngày là dì Tư. Bà N cho bà Đặng Thị Mai T1 vay tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 11/6/2021, bà T1 vay 120.000.000 đồng và ngày 15/9/2021 vay 60.000.000 đồng, bà T1 có ký 02 biên nhận với tổng số tiền vay là 180.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 3%/tháng không ghi vào biên nhận, thời gian vay là 6 tháng. Sau khi vay tiền, bà T1 đã vốn được 47.000.000 đồng và chưa trả lãi vay theo thỏa thuận. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà T1 phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn còn lại là 133.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật của số tiền 133.000.000 đồng từ ngày 11/5/2023 cho đến khi bà T1 trả xong nợ.

Bị đơn Đặng Thị Mai T1 vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Tại phiên tòa dân sự sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Phước H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn bà Đặng Thị Mai T1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 119, 357, 400, 401, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N, buộc bị đơn bà Đặng Thị Mai T1 có trách nhiệm trả cho bà N số tiền là 133.000.000 đồng, lãi suất 10% tính từ khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 29/5/2023 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Nguyên đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Phước H tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án theo quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[1.3] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ. Ngoài ra, bị đơn có nơi cư trú rõ ràng và được chính quyền địa phương xác nhận có đăng ký thường trú tại địa chỉ theo nguyên đơn cung cấp. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận vay số tiền 180.000.000 đồng, bị đơn ký các biên nhận tiền vào ngày 11/6/2021 và ngày 15/9/2021 nhưng tại biên nhận không xác định lãi và ngày trả tiền. Như vậy, các bên có thỏa thuận giao dịch dân sự bằng hình thức vay và cho vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng bị đơn trả được 47.000.000 đồng, còn nợ lại 133.000.000 đồng và không trả lãi theo thỏa thuận, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về tài sản nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện bị đơn trốn tránh nghĩa vụ dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất vay, nguyên đơn cho rằng từ khi vay tiền đến nay, bị đơn không trả lãi nên yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện 11/5/2023 đến khi trả xong nợ. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị tính lãi 10%/năm, kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án 29/5/2023. Xét thấy, tại 02 biên nhận, các bên không thể hiện phần lãi suất, không thể hiện ngày trả nợ, nguyên đơn tự nguyện yêu cầu tính lãi kể từ ngày khởi kiện 11/5/2023 là phù hợp với khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để tính lãi suất. Như vậy, bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn như sau: số tiền vốn 133.000.000 đồng x 10% (0,833%) x 02 tháng 15 ngày (từ ngày 11/5/2023 đến ngày 26/7/2023) = 2.769.724 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn Trần Thị N, sinh năm 1962, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí thuộc người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Đặng Thị Mai T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 85, Điều 86, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc bà Đặng Thị Mai T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Kim N (Dì Tư) số tiền 135.769.724 đồng, trong đó nợ gốc là 133.000.000 đồng, lãi là 2.769.724 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí sơ thẩm

Bà Đặng Thị Mai T1 phải nộp 6.788.486 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam